

Bản án số: 133/2024/DS-ST

Ngày: 07/6/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X- THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Mai Thị Thanh Hương.

2/ Ông Hoàng Văn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 565/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: Số 442 đường Nguyễn K, Phường 5, Quận B, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền: Ông Đào Q, sinh năm: 1965.

(Giấy ủy quyền số 431/UQ-QLN.24 ngày 25 tháng 3 năm 2024)

Địa chỉ liên lạc: số 6 đường T, Phường 11, Quận B, Thành phố H.

Ông Đào Q có Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05 tháng 6 năm 2024.

- *Bị đơn:* Bà Trần P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 502/11/29 đường P, phường BT, Quận X, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn D, sinh năm: 2000.

(Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 02 năm 2024)

Địa chỉ liên lạc: số 163 đường T, phường S, Quận B, Thành phố H.

Bà Nguyễn D có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 05 tháng 6 năm 2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn trình bày:

[1] Ngày 07 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp Thẻ tín dụng cho bà Trần P (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do bà Trần P ký ngày 27 tháng 4 năm 2015). Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng chính: 5465 5545 9602 4458.
- Ngày cấp : 07/5/2015.
- Loại thẻ : Thẻ tín dụng quốc tế.
- Hạn mức thẻ: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)
- Hiệu lực thẻ: Tháng 05/2018.
- Lãi suất, phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

[2] Sau khi được cấp thẻ, bà Trần P đã sử dụng tổng số tiền (gốc) 213.037.153đ (Hai trăm mười ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi ba đồng).

Bà Trần P đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền từ lúc cấp thẻ đến trước ngày thẻ chuyển nợ quá hạn (ngày 28 tháng 5 năm 2020) là 232.000.000đ (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày thẻ chuyển nợ quá hạn đến nay thì bà Trần P không thanh toán.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Trần P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 28 tháng 5 năm 2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chuyển các khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ (thẻ tín dụng bị khóa) và thu hồi nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán của bà Trần P.

[3] Đối với lãi suất thẻ của bà Trần P theo Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có thể thay đổi “Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ”, cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn: 29%/năm, áp dụng từ ngày 07 tháng 5 năm 2015 (Ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 28 tháng 5 năm 2020;

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 29\%/năm = 43,5\%/năm$, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày ngày 28 tháng 5 năm 2020 đến ngày 13 tháng 7 năm 2023;

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 32\%/năm = 48\%/năm$, áp dụng từ ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến nay.

[4] Do bà Trần P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần P có trách nhiệm phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2024, cụ thể như sau:

- Nợ vốn gốc là: 100.582.651đ (Một trăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi một đồng);

- Lãi quá hạn là: 139.066.828đ (Một trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng);

- Tổng cộng là: 239.649.479đ (Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Bà Trần P còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2024 đến ngày trả hết nợ.

Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

Bị đơn - bà Trần P có đại diện ủy quyền là bà Nguyễn Lê Kỳ Duyên trình bày:

Vào năm 2015, bà Phượng có vay của A một khoản vay, kèm với hồ sơ vay thì A có làm thêm cho bà Phượng một hồ sơ Thẻ tín dụng. Đối với khoản vay, phía A cũng đã giải ngân khoản vay cho bà Phượng và bà Phượng cũng đã trả hết khoản nợ trên, ngân hàng cũng đã tắt toán toàn bộ hồ sơ vay cũng như Thẻ tín dụng đó.

Trong thời gian vay tiền ngân hàng, bà Phượng cho rằng Thẻ tín dụng bà Phượng không có sử dụng đến, bên cạnh đó, trong suốt thời gian kể từ khi bà Phượng tắt toán khoản vay đến nay phía A không có phát hành bất cứ văn bản thông báo nào cho bà Phượng về việc yêu cầu bà Phượng thanh toán tiền Thẻ tín dụng. Cho đến khi nhận được thông báo của Tòa bà Phượng mới biết đến các vấn đề liên quan đến khoản nợ Thẻ tín dụng, cũng không biết tại sao và từ đâu lại phát sinh.

Do đó bà Phượng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc yêu cầu bà Phượng trả nợ đối với Thẻ tín dụng, cũng như tiền lãi phát sinh.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận X, Thành phố H:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Trần P đã vi phạm thời hạn thanh toán, việc tính lãi và lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của các bên. Do đó, căn cứ các Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn - bà Trần P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số dư nợ còn lại của “Thẻ tín dụng số: 5465 5545 9602 4458– Ngày cấp thẻ: 07 tháng 5 năm 2015” theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn - bà Trần P - có cư trú tại Quận X, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Đào Q là đại diện ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05 tháng 6 năm 2024 và bà Nguyễn D là đại diện ủy

quyền của bị đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 05 tháng 6 năm 2024 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bị đơn-bà Trần P và trình bày của nguyên đơn thể hiện tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn khởi kiện, Bản tự khai...về việc cấp Thẻ tín dụng; Và căn cứ vào lời trình bày của bị đơn tại Bản tự khai đề ngày 11 tháng 3 năm 2024 có nội dung: *“Vào năm 2015, bà Phụng có vay của A một khoản vay, kèm với hồ sơ vay thì A có làm thêm cho bà Phụng một hồ sơ Thẻ tín dụng. Đối với khoản vay, phía A cũng đã giải ngân khoản vay cho bà Phụng và bà Phụng cũng đã trả hết khoản nợ trên, ngân hàng cũng đã tất toán toàn bộ hồ sơ vay cũng như Thẻ tín dụng đó...”* , Hội đồng xét xử xét việc nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có cấp cho bị đơn-bà Trần P *“Thẻ tín dụng số: 5465 5545 9602 4458– Ngày cấp thẻ: 07 tháng 5 năm 2015”* là có thật.

[2.2] Bị đơn-bà Trần P cho rằng: Bà không có sử dụng Thẻ tín dụng như phía Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày. Bà đã tất toán hết tất cả các khoản vay giữa bà với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Do thời gian đã lâu, bà không còn nhớ rõ chính xác ngày tháng năm tất toán, nên bà yêu cầu phía Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cho bà được xem các hồ sơ tất toán và hồ sơ thanh lý các khoản vay giữa bà và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. Căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét lời trình bày trên của bị đơn-bà Trần P là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.3] Căn cứ *“Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 12/04/2015 đến ngày 12/6/2020”* của nguyên đơn- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (phía bị đơn cũng đã nhận được Bảng chi tiết nêu trên nhưng không có ý kiến gì); Căn cứ vào địa chỉ mà bị đơn-bà Trần P ghi tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015 là: *“199C Đường 154 - Ấp Cây Dầu, phường Tân Phú, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh”*. Tuy nhiên, tại Kết quả xác minh của Ban Chỉ huy Công an phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức (theo Phiếu yêu cầu xác minh số 631/TATPTĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023) có nội dung: *“Bà Trần P, SN 1978 có HKTT tại 199C Đường 154, Kp3, P.Tân Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM từ 9/4/2008 đến 12/08/2014 chuyển nơi đăng ký thường trú...”*; Và tại Kết quả xác minh của Ban Chỉ huy Công an Phường 6, quận Tân Bình (theo Phiếu yêu cầu xác minh số 630/TATPTĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023) có nội dung: *“Trần P, SN 1978 có đăng ký thường trú 118 Bắc Hải, phường 16, Quận Tân Bình, nhưng không thực tế cư ngụ tại địa phương...”*. Do đó, việc bị đơn-bà

Trần P cho rằng: “...*Thẻ tín dụng bà Phụng không có sử dụng đến, bên cạnh đó, trong suốt thời gian kể từ khi bà Phụng tắt toán khoản vay đến nay phía A không có phát hành bất cứ văn bản thông báo nào cho bà Phụng về việc yêu cầu bà Phụng thanh toán tiền Thẻ tín dụng. Cho đến khi nhận được thông báo của Tòa bà Phụng mới biết đến các vấn đề liên quan đến khoản nợ Thẻ tín dụng, cũng không biết tại sao và từ đâu lại phát sinh*”, Hội đồng xét xử xét lời trình bày nêu trên của bị đơn-bà Trần P không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.4] Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn-bà Trần P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán; Việc tính lãi và lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận của các bên. Do đó, căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc bị đơn-bà Trần P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 của “Thẻ tín dụng số: 5465 5545 9602 4458– Ngày cấp thẻ: 07 tháng 5 năm 2015” theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015 nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, số tiền nợ cụ thể như sau:

- Nợ vốn gốc là: 100.582.651đ (Một trăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi một đồng);

- Lãi quá hạn là: 139.066.828đ (Một trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng);

- Tổng cộng là: 239.649.479đ (Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

[2.5] Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2024 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A cho đến khi bị đơn-bà Trần P trả hết nợ gốc.

[2.3] Xét bị đơn-bà Trần P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận đã ký kết của các bên. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu bị đơn-bà Trần P phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn-bà Trần P phải chịu án phí dân sự là 11.982.474đ (Mười một triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 90, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;
- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Về hình thức:

- 1.1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.
- 1.2. Xét xử vắng mặt bị đơn-bà Trần P.

2. Về nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn-Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

2.1. Buộc bà Trần P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2024 “Thẻ tín dụng số: 5465 5545 9602 4458 – Ngày cấp thẻ: 07 tháng 5 năm 2015” theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015, cụ thể như sau:

- Nợ vốn gốc là: 100.582.651đ (Một trăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi một đồng);
- Lãi quá hạn là: 139.066.828đ (Một trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi tám đồng);

- Tổng cộng là: 239.649.479đ (Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

- Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

2.2. Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên số dư nợ gốc thực nợ kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2024 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 27 tháng 4 năm 2015 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A cho đến khi bà Trần P trả hết nợ gốc.

2.3. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần P phải chịu án phí dân sự là 11.982.474đ (Mười một triệu chín trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng), thi hành tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.547.250đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0008002 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố H.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, bà Trần P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk.Đức).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Loan

